

Số: 23/2026/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 16 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp
theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01
tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 263/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chính
phủ quy định về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc
phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân
sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới,
giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và
miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số 6098/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ
thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh,
thông minh, bền vững trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân*

tộc Hội đồng nhân dân tỉnh số 68/BC-BDT ngày 14 tháng 7 năm 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành quy định chính sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật; quyết định điều chỉnh, bổ sung Danh mục cây trồng, vật nuôi thuộc phạm vi áp dụng chính sách trên cơ sở phù hợp định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khoá XVI, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh; LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND; UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT tổng hợp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 23/2026/NQ-HĐND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chính sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Đối với các nội dung hỗ trợ không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định của từng chương trình, dự án.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình có hoạt động phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chính sách hoặc có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định của Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ dựa trên dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 14; hỗ trợ theo kế hoạch được duyệt đối với nội dung quy định tại Điều 6, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Quy định này.

2. Hỗ trợ theo chỉ tiêu được giao hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh. Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả và theo quy định của pháp luật.

a) Nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia: Hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại khoản 2 mục II Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình mục tiêu quốc gia).

b) Nguồn ngân sách địa phương: Hỗ trợ bổ sung cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản này và các đối tượng, nội dung không thuộc phạm vi hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Các nội dung hỗ trợ tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 áp dụng theo quy trình hỗ trợ quy định tại Chương V, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính. Các nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14: Thực hiện hỗ trợ sau đầu tư theo trình tự, thủ tục hỗ trợ quy định tại Điều 16 Quy định này.

4. Chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị công trình được tính toán theo quy định quản lý chi phí đầu tư xây dựng của pháp luật về xây dựng; thiết bị công nghệ về giết mổ gia súc, gia cầm, chế biến nông sản áp dụng theo quy định pháp luật chuyên ngành lĩnh vực. Công trình, hạng mục công trình của dự án hình thành sau đầu tư không là tài sản công, do doanh nghiệp sở hữu, quản lý và sử dụng.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tập trung

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

a) Tổ chức, hộ gia đình thực hiện trồng mới cây cà phê, mắc ca, dừa, chanh leo, dược liệu; chăn nuôi gia súc, gia cầm.

b) Đối với các dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm thực hiện theo hình thức dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Nội dung hỗ trợ: Giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất.

b) Mức hỗ trợ: Áp dụng theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu tập trung tại Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững giai đoạn 2026-2030, định hướng đến 2035.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; nhà máy chế biến, bảo quản nông sản; nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất phân bón

1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

a) Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc hoặc gia cầm tập trung được chấp thuận chủ trương đầu tư và có công suất giết mổ đạt tối thiểu 100 con gia súc hoặc 500 con gia cầm/ngày. Trường hợp kết hợp hai loại gia súc, gia cầm, quy mô tối thiểu mỗi loại bằng 50% quy mô trên.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí xây dựng, mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ, dây chuyền sản xuất của dự án nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông sản

a) Điều kiện hỗ trợ:

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản nông sản tập trung được chấp thuận chủ trương đầu tư; tổng mức đầu tư của dự án từ 60 tỷ đồng trở lên.

Đối với các dự án chế biến, bảo quản nông sản sản phẩm chủ lực: diện tích liên kết với tổ chức, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh tối thiểu từ 2.000 ha cà phê, mắc ca, cây ăn quả; 50 ha dược liệu. Thời gian liên kết tối thiểu 50 năm.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí xây dựng, mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ, dây chuyền sản xuất của dự án nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án. Trường hợp áp dụng công nghệ tuần hoàn, sinh học, năng lượng tái tạo hoặc xử lý phụ phẩm nông nghiệp thành sản phẩm gia tăng, mức hỗ trợ tối đa 20 tỷ đồng/dự án.

3. Hỗ trợ đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất phân bón

a) Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp có dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư; tổng mức đầu tư của dự án từ 60 tỷ đồng trở lên và đảm bảo điều kiện sau:

Đối với nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi: Có công suất thiết kế tối thiểu 20.000 tấn sản phẩm/năm.

Đối với nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh: Có công suất thiết kế tối thiểu 20.000 tấn sản phẩm/năm.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí xây dựng, mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ, dây chuyền sản xuất của dự án nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án.

Điều 6. Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

1. Điều kiện hỗ trợ: Hộ gia đình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa nước sang các cây trồng có giá trị kinh tế cao (chanh leo, chuối, nho, dâu tây, ngô ngọt, dưa chuột, hoa, rau), nhưng không làm ảnh hưởng tới vùng sản xuất lúa chuyên canh gắn với phát triển du lịch trên địa bàn các xã, phường.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần bằng tiền để tự túc lương thực, mua giống cây trồng trong vụ đầu tiên chuyển đổi. Mức hỗ trợ: 20 triệu đồng/ha đối với đất chuyên trồng lúa (lúa nước hai vụ); 15 triệu đồng/ha đối với đất trồng lúa còn lại (lúa nước một vụ).

Điều 7. Hỗ trợ phát triển nuôi ong lấy mật

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình thực hiện hoạt động nuôi ong mật trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần chi phí mua thùng ong, cầu ong, ong giống, vật tư, công cụ phục vụ hoạt động nuôi ong mật. Mức hỗ trợ: Áp dụng theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 8. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh

1. Nội dung hỗ trợ: Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, giảm chi phí, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường. Hỗ trợ chi phí xây dựng nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới tiết kiệm nước, tưới thông minh cho các cây trồng: rau, hoa, dược liệu, nho, dâu tây, mắc ca, cà phê, dứa, chanh leo.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí xây dựng nhưng không quá 01 tỷ đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã; 700 triệu đồng/tổ hợp tác, nhóm hộ; 300 triệu đồng/hộ gia đình.

3. Điều kiện hỗ trợ: Diện tích được hỗ trợ đối với nhà màng, nhà lưới, tưới tiết kiệm, tưới thông minh đối với trồng rau, hoa, dược liệu, nho, dâu tây: tối thiểu 1.500m² đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; 700m² đối với tổ hợp tác; 300m² đối với hộ gia đình. Hỗ trợ hệ thống tưới tiết kiệm nước, tưới thông minh đối với mắc ca, cà phê, dứa, chanh leo: Diện tích tối thiểu 01 ha đối với hộ gia đình; tối thiểu 05 ha đối với tổ hợp tác, nhóm hộ; tối thiểu 10 ha đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.

Điều 9. Hỗ trợ cấp, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn; thuê đơn vị tư vấn xây dựng, quản lý hồ sơ đề nghị cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; chi phí lấy mẫu, phân tích đất, nước; giám định đối tượng sinh vật gây hại; kiểm nghiệm an toàn thực phẩm và các chỉ tiêu liên quan theo yêu cầu của thị trường hoặc cơ quan có thẩm quyền (nếu cần); chi phí xây dựng biển, pano vùng trồng.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần, tối đa bằng 100% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/mã số vùng trồng hoặc mã số cơ sở đóng gói. Giai đoạn 2026 - 2030 hỗ trợ cấp mã số vùng trồng cho diện tích 50.000 ha, 20 mã số cơ sở đóng gói.

Điều 10. Hỗ trợ xây dựng, áp dụng và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong sơ chế, chế biến nông lâm thủy sản (HACCP, ISO hoặc tương đương)

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí khảo sát, tư vấn, đào tạo, xây dựng và áp dụng hệ thống HACCP, ISO hoặc tương đương. Chi phí đánh giá, kiểm tra, kiểm nghiệm, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần, tối đa 100% chi phí để xây dựng, áp dụng và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo HACCP, ISO hoặc tương đương nhưng không quá 80 triệu đồng/hệ thống. Giai đoạn 2026 - 2030 hỗ trợ tối đa 50 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở chế biến nông lâm thủy sản.

Điều 11. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu quốc gia đối với sản phẩm chủ lực tỉnh Điện Biên

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu sản phẩm, bao gồm: tên thương hiệu, biểu trưng (logo), nhãn hiệu, hệ thống nhận diện thương hiệu, thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm; xây dựng, đăng ký xác lập, bảo hộ và phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật; xây dựng, hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc,

nhận diện sản phẩm phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; thuê tổ chức tư vấn xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu; tư vấn hoàn thiện hồ sơ tham gia Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần, tối đa 70% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/sản phẩm.

2. Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp có sản phẩm được công nhận Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

Điều 12. Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP

1. Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất có sản phẩm hoặc dịch vụ du lịch có nguồn gốc địa phương, phát huy văn hóa bản địa của tỉnh, tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Giai đoạn 2026 - 2030 hỗ trợ tối đa 200 sản phẩm mới.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn xây dựng hồ sơ bảo vệ môi trường; câu chuyện sản phẩm; thiết kế bao bì, nhãn mác; chi phí xây dựng hồ sơ và các tài liệu liên quan đến việc đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; chi phí kiểm nghiệm, phân tích chất lượng sản phẩm và các chi phí khác theo quy định để đáp ứng yêu cầu phân hạng sản phẩm. Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/sản phẩm.

c) Điều kiện hỗ trợ: Sản phẩm được Hội đồng đánh giá, phân hạng OCOP cấp có thẩm quyền đánh giá đạt từ 50 điểm trở lên.

2. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

a) Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, hộ gia đình, cá nhân có phương án đầu tư xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; đầu tư trang thiết bị phục vụ trưng bày, bảo quản, giới thiệu và bán sản phẩm; hệ thống biển hiệu, nhận diện thương hiệu, thiết bị số phục vụ quảng bá, truy xuất nguồn gốc và thanh toán không dùng tiền mặt. Mức hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí đầu tư, nhưng không quá 150 triệu đồng/điểm.

c) Điều kiện hỗ trợ:

Điểm giới thiệu, trưng bày và bán sản phẩm OCOP phải có diện tích tối thiểu 20m², có địa điểm kinh doanh ổn định; ưu tiên bố trí tại trung tâm xã, phường, khu vực đông dân cư, khu, điểm du lịch, điểm dừng chân hoặc các vị trí thuận lợi cho việc quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

Chủ thể được hỗ trợ phải có văn bản cam kết trưng bày, giới thiệu và kinh doanh sản phẩm OCOP; cam kết duy trì hoạt động của điểm giới thiệu, trưng bày và bán sản phẩm OCOP tối thiểu 03 năm kể từ ngày nghiệm thu, đưa vào sử dụng; bảo đảm hoạt động đúng mục đích và duy trì thường xuyên việc trưng bày, giới thiệu, kinh doanh sản phẩm OCOP.

Mỗi xã, phường được hỗ trợ đầu tư 01 điểm giới thiệu, trưng bày và bán sản phẩm OCOP trong thời gian thực hiện chính sách.

Điều 13. Hỗ trợ phát triển các kênh giới thiệu, phân phối sản phẩm nông nghiệp hàng hóa của tỉnh

1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân là nhà sáng tạo, sản xuất nội dung số.
2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sáng tạo, sản xuất nội dung số thực hiện sản xuất và đăng tải sản phẩm truyền thông, quảng bá giới thiệu sản phẩm nông nghiệp được sản xuất và chế biến trên địa bàn tỉnh Điện Biên trên các nền tảng số. Hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/01 tổ chức, cá nhân; tối đa 20 tổ chức, cá nhân/năm.
3. Điều kiện hỗ trợ: tổ chức, cá nhân sở hữu kênh truyền thông trên nền tảng số (Youtube, TikTok, Facebook) có thời gian hoạt động từ 01 năm trở lên; trong năm sản xuất và đăng tải tối thiểu 30 sản phẩm nội dung số (video, album ảnh hoặc sản phẩm truyền thông số tương đương) theo yêu cầu, nhiệm vụ quảng bá sản phẩm nông nghiệp do cấp có thẩm quyền ban hành và được cấp có thẩm quyền tổ chức nghiệm thu theo quy định; mỗi sản phẩm đạt tối thiểu 20.000 lượt xem (trên một nền tảng số); nội dung đăng tải tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 14. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng khoa học công nghệ, hạ tầng xã hội của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 tỷ đồng/dự án.
3. Điều kiện hỗ trợ: Có dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các quy định tại Nghị định số 263/2026/NĐ-CP quy định về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, được cấp có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.

Điều 15. Nguồn kinh phí

1. Nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 sử dụng nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia. Ngân sách địa phương bổ sung phần kinh phí còn thiếu để hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến 2035.
2. Nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 sử dụng nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp và nguồn vốn hợp pháp khác.
3. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Chương III

MẪU HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 16. Hồ sơ và trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ

1. Hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ

a) Đơn đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Đơn đề nghị nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Hồ sơ, tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo từng nội dung chính sách quy định tại Quy định này.

d) Hóa đơn, chứng từ, tài liệu chứng minh chi phí thực hiện (đối với các nội dung hỗ trợ có yêu cầu thanh toán theo chi phí thực tế hoặc hỗ trợ sau đầu tư).

2. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ

a) Đối tượng thụ hưởng chính sách gửi Đơn đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án, phương án sản xuất hoặc nội dung hỗ trợ.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đối tượng hoàn thiện theo quy định.

c) Sau khi hoàn thành nội dung được hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng gửi Đơn đề nghị nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ kèm theo hồ sơ chứng minh việc hoàn thành nội dung hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng nghiệm thu và tổ chức nghiệm thu.

Thành phần Hội đồng nghiệm thu gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; công chức chuyên môn phụ trách lĩnh vực có liên quan; đại diện đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đơn vị dịch vụ công có liên quan (nếu có) và các thành phần khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

Đối với các nội dung hỗ trợ yêu cầu chuyên môn kỹ thuật, Ủy ban nhân dân cấp xã được mời cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc tổ chức có chuyên môn tham gia Hội đồng nghiệm thu hoặc tham gia kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện làm căn cứ nghiệm thu.

đ) Hội đồng nghiệm thu lập Biên bản nghiệm thu làm căn cứ thanh toán kinh phí hỗ trợ. Biên bản nghiệm thu phải xác định rõ đối tượng được hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, khối lượng thực hiện, kết quả nghiệm thu, giá trị được nghiệm thu và mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định.

e) Căn cứ kết quả nghiệm thu, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản nghiệm thu, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định hỗ trợ hoặc trình cấp có

thẩm quyền quyết định hỗ trợ theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách; thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng theo quy định của pháp luật.

g) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hoặc kết quả nghiệm thu không đáp ứng điều kiện hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản cho đối tượng thụ hưởng, nêu rõ lý do để hoàn thiện hoặc thực hiện theo quy định./.

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND)

Mẫu số 01:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ

Thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày / /2026 của HĐND tỉnh Điện Biên

Kính gửi: UBND xã/phường.....

Căn cứ Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày / /2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

...(tên DN/HTX, tổ hợp tác, hộ gia đình)đăng ký tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng hóa, cụ thể như sau:

1. Thông tin chung của chủ thể đăng ký thực hiện chính sách

- Tên (DN/HTX, tổ hợp tác, hộ gia đình):.....
- Địa chỉ:
- Người đại diện (áp dụng đối với doanh nghiệp, HTX): Chức danh:; số căn cước công dân/Căn cước: Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:.....; điện thoại:.....Fax/Email:

2. Nội dung đăng ký thực hiện

- Đăng ký thực hiện: Dự án(tên dự án áp dụng đối với doanh nghiệp, HTX) hoặc thực hiện nội dung chính sách hỗ trợ ...(tên nội dung chính sách).....
- Tóm tắt mục tiêu, quy mô dự án, dự kiến kết quả đạt được đối với dự án hoặc quy mô sản xuất đối với hộ gia đình, cá nhân.....
- Nội dung đề nghị hỗ trợ:.....

...Tên (DN/HTX, tổ hợp tác, hộ gia đình cam kết thực hiện đầy đủ, có chất lượng, hiệu quả các nội dung đầu tư phát triển sản xuất theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; cam kết sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Tự bảo đảm các điều kiện và nguồn kinh phí đối ứng để triển khai thực hiện nội dung phát triển sản xuất theo quy định./.

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI VIẾT ĐƠN

(Ký, ghi họ tên; đóng dấu đối với DN, HTX)

Mẫu số 02:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU, THANH TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ

Kính gửi: UBND xã/phường.....

Căn cứ Quyết định số/202../QĐ-UBND ngày/202... của Ủy ban nhân dân xã, phườngvề việc phê duyệt thuyết minh và dự toán thực hiện dự án...(tên dự án)..../phê duyệt ...(tên).....:

...(tên DN/HTX, tổ hợp tác, hộ gia đình,) ...đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phườngnghiệm thu khối lượng hoàn thành hoặc dự án.....và thanh toán nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

1. Tên DN/HTX/tổ hợp tác, hộ gia đình:.....

2. Địa chỉ:

3. Người đại diện theo pháp luật (áp dụng đối với doanh nghiệp, HTX): ...

Chức danh:

4. Số Căn cước công dân/Căn cước: Ngày cấp:/.../.... Nơi cấp:.....

5. Điện thoại:.....

6. Nội dung đề nghị nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ: (khối lượng công việc hoàn thành theo thuyết minh và dự toán được phê duyệt; hoá đơn, chứng từ minh chứng các nội dung đầu tư phát triển sản xuất; chứng nhận sản phẩm OCOP, sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia, chứng nhận đạt chuẩn HACCP)

.....

7. Thông tin tài khoản (trường hợp đề nghị thanh toán bằng hình thức chuyển khoản):

- Tên tổ chức, cá nhân thụ hưởng:

- Số tài khoản:.....tại ngân hàng/kho bạc

8. Số tiền đề nghị hỗ trợ:(viết bằng chữ):

- Hồ sơ, chứng từ minh chứng nội dung đầu tư kèm theo gồm:.....

Tôi cam đoan các thông tin kê khai trên và các hồ sơ kèm theo đảm bảo đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI VIẾT ĐƠN

(Ký, ghi họ tên; đóng dấu đối với DN, HTX)